TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC - 2016

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH BÁC SĨ NỘI TRÚ KHOÁ 41- NĂM 2016

STT	Họ tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	SBD	Ngành	KẾT QUẢ THI					
							Điểm môn 1	Điểm môn 2	Tổng 2CN	Điểm môn 3	Điểm môn 4	Tổng điểm
1	Đặng Quang Tân	Nam	22/08/1992	Hưng Yên	NT-0498	YHDP	6.75	7.83	14.58	5.08	68.75	**19.66**
2	Trịnh Thị Hồng Nhung	Nữ	28/06/1992	Thanh Hóa	NT-0496	YHDP	7.08	6.92	14.00	5.17	60.00	**19.17**
1	Trần Thị Đài Trang	Nữ	06/10/1992	Nghệ An	NT-0521	YHCT	8.92	8.67	17.59	6.42	91.25	**24.01**
2	Đỗ Thị Thanh Hiền	Nữ	18/11/1992	Hà Nội	NT-0503	YHCT	7.92	8.42	16.34	6.83	83.75	**23.17**
3	Trương Thị Mai Vân	Nữ	31/10/1992	Thái Bình	NT-0523	YHCT	8.83	8.33	17.16	5.92	100.00	**23.08**
4	Cao Thị Huyền Trang	Nữ	23/03/1992	Nghệ An	NT-0522	YHCT	9.17	8.50	17.67	5.33	80.00	**23.00**
5	Nguyễn Thị Thân Giang	Nữ	30/06/1992	Bắc Giang	NT-0500	YHCT	8.42	8.17	16.59	5.92	82.50	**22.51**
6	Đỗ Bá Kế	Nam	13/04/1992	Hà Nội	NT-0509	YHCT	7.75	8.42	16.17	5.83	63.75	**22.00**
7	Trịnh Thị Thu Hường	Nữ	15/08/1992	Hưng Yên	NT-0508	YHCT	7.42	7.92	15.34	6.25	60.00	**21.59**
8	Đoàn Duy Khánh	Nam	02/02/1992	Thanh Hóa	NT-0511	YHCT	7.67	7.42	15.09	6.50	60.00	**21.59**
1	Đinh Thanh Thùy	Nữ	20/08/1992	Thái Nguyên	NT-0490	RHM	6.42	6.92	13.34	6.50	85.00	**19.84**
2	Đinh Diệu Hồng	Nữ	20/02/1992	Ninh Bình	NT-0481	RHM	6.17	6.67	12.84	7.00	77.50	**19.84**
3	Hà Huy Hoàng	Nam	28/01/1992	Hà Nội	NT-0480	RHM	6.58	6.75	13.33	6.17	63.75	**19.50**
4	Hoàng Thị Kim Duyên	Nữ	10/05/1992	Nam Định	NT-0475	RHM	5.92	6.92	12.84	6.33	90.00	**19.17**
5	Nguyễn Thị Thường	Nữ	18/01/1992	Lào Cai	NT-0491	RHM	5.92	6.92	12.84	6.33	85.00	**19.17**
6	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	20/08/1992	Nghệ An	NT-0492	RHM	5.75	6.75	12.50	6.67	78.75	**19.17**
7	Đôn Thu Hương	Nữ	15/09/1992	Hà Nội	NT-0484	RHM	6.58	5.50	12.08	6.17	81.25	**18.25**
8	Phạm Văn Hùng	Nam	18/12/1992	Ninh Bình	NT-0483	RHM	5.92	6.33	12.25	5.92	70.00	**18.17**
9	Vũ Đình Công	Nam	30/12/1992	Hải Dương	NT-0473	RHM	6.50	5.50	12.00	5.83	57.50	**17.83**
10	Đặng Huy Đăng	Nam	16/09/1992	Thái Nguyên	NT-0477	RHM	5.75	6.42	12.17	5.42	72.50	**17.59**
11	Vũ Thị Phương Thảo	Nữ	14/01/1992	Thái Nguyên	NT-0488	RHM	5.67	5.00	10.67	6.83	90.00	**17.50**
12	Hoàng Hồng Xiêm	Nữ	29/11/1992	Bắc Giang	NT-0494	RHM	5.67	5.58	11.25	5.67	58.75	**16.92**
13	Nguyễn Phúc Minh	Nam	26/09/1992	Phú Thọ	NT-0486	RHM	5.50	5.58	11.08	5.00	73.75	**16.08**
1	Vũ Thị Mai	Nữ	17/12/1992	Thái Bình	NT-0238	ĐK	7.67	7.14	14.81	7.58	83.75	**22.39**
2	Phạm Đình Vụ	Nam	22/11/1992	Hà Nội	NT-0461	ĐK	7.58	7.06	14.64	7.67	78.75	**22.31**
3	Nguyễn Văn Tài	Nam	13/09/1992	Thanh Hóa	NT-0340	ĐK	7.75	7.31	15.06	7.08	87.50	**22.14**
4	Đoàn Mạnh Tín	Nam	27/01/1992	Hà Tĩnh	NT-0405	ĐK	7.25	7.14	14.39	7.50	76.25	**21.89**
5	Trần Thị Thu Hằng	Nữ	27/01/1992	Nam Định	NT-0114	ĐK	7.50	7.48	14.98	6.75	86.25	**21.73**

STT	Họ tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	SBD	Ngành	KẾT QUẢ THI					
							Điểm môn 1	Điểm môn 2	Tổng 2CN	Điểm môn 3	Điểm môn 4	Tổng điểm
6	Nguyễn Đình Đông	Nam	04/11/1992	Hà Nội	NT-0076	ĐK	7.33	6.97	14.30	7.42	71.25	**21.72**
7	Hà Thành Kiên	Nam	15/02/1992	Nam Định	NT-0192	ĐK	7.50	6.13	13.63	8.00	82.50	**21.63**
8	Hoàng Thị Vân	Nữ	24/09/1992	Hà Nam	NT-0449	ĐK	7.83	6.81	14.64	6.92	82.50	**21.56**
9	Đặng Việt Phong	Nam	03/01/1992	Hà Nội	NT-0307	ĐK	7.92	6.30	14.22	7.33	88.75	**21.55**
10	Ngô Thị Thu	Nữ	02/08/1992	Hà Nội	NT-0386	ĐK	7.25	6.81	14.06	7.42	86.25	**21.48**
11	Đinh Xuân Triện	Nam	09/10/1992	Hà Nội	NT-0428	ĐK	7.50	6.64	14.14	7.33	85.00	**21.47**
12	Đỗ Phương Trọng	Nam	26/05/1992	Hà Nam	NT-0430	ĐK	7.17	6.89	14.06	7.33	78.75	**21.39**
13	Nguyễn Văn Tình	Nam	10/10/1992	Nghệ An	NT-0406	ĐK	7.50	6.39	13.89	7.42	83.75	**21.31**
14	Dương Thị Trà Giang	Nữ	10/07/1992	Nghệ An	NT-0088	ĐK	7.25	6.72	13.97	7.33	86.25	**21.30**
15	Lê Đức Thọ	Nam	17/11/1992	Phú Thọ	NT-0379	ĐK	7.25	6.72	13.97	7.33	75.00	**21.30**
16	Phạm Thị Thanh Thảo	Nữ	14/02/1992	Nam Định	NT-0359	ĐK	7.42	6.30	13.72	7.58	88.75	**21.30**
17	Trần Hồng Quân	Nam	21/09/1992	Hà Nội	NT-0321	ĐK	7.92	6.39	14.31	6.92	90.00	**21.23**
18	Nguyễn Thị Mai	Nữ	12/10/1992	Thanh Hóa	NT-0237	ĐK	7.33	6.47	13.80	7.42	76.25	**21.22**
19	Trần Xuân Dũng	Nam	02/08/1992	Nghệ An	NT-0060	ĐK	7.67	6.39	14.06	7.08	87.50	**21.14**
20	Nguyễn Đức Thiện	Nam	18/10/1992	Nghệ An	NT-0374	ĐK	7.17	6.13	13.30	7.83	80.00	**21.13**
21	Bùi Thanh Sơn	Nam	13/01/1992	Hải Phòng	NT-0333	ĐK	8.50	6.05	14.55	6.50	95.00	**21.05**
22	Vũ Thị Thanh	Nữ	24/09/1992	Hải Dương	NT-0352	ĐK	7.17	6.55	13.72	7.33	75.00	**21.05**
23	Đào Xuân Hải	Nam	02/09/1992	Thanh Hóa	NT-0104	ĐK	7.42	6.30	13.72	7.25	82.50	**20.97**
24	Lê Văn Vũ	Nam	25/09/1992	Hưng Yên	NT-0460	ĐK	6.83	6.39	13.22	7.75	80.00	**20.97**
25	Nguyễn Mạnh Tân	Nam	30/11/1992	Hòa Bình	NT-0344	ĐK	7.50	6.47	13.97	6.92	75.00	**20.89**
26	Phùng Thị Thơm	Nữ	27/07/1992	Hà Nội	NT-0383	ĐK	7.83	6.72	14.55	6.33	95.00	**20.88**
27	Đoàn Minh Hoàng	Nam	17/12/1992	Hải Phòng	NT-0143	ĐK	7.33	6.30	13.63	7.25	86.25	**20.88**
28	Bùi Văn Thường	Nam	05/07/1992	Vĩnh Phúc	NT-0402	ĐK	7.08	6.30	13.38	7.50	75.00	**20.88**
29	Lê Thị Hoài Thu	Nữ	04/03/1992	Thanh Hóa	NT-0384	ĐK	7.08	6.97	14.05	6.75	82.50	**20.80**
30	Nguyễn Minh Thúy	Nữ	31/07/1992	Hà Giang	NT-0398	ĐK	8.00	5.97	13.97	6.83	83.75	**20.80**
31	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	17/02/1992	Nghệ An	NT-0468	ĐK	7.08	6.39	13.47	7.33	86.25	**20.80**
32	Lã Diệu Hương	Nữ	05/10/1992	Hà Nội	NT-0177	ĐK	7.42	6.64	14.06	6.67	92.50	**20.73**
33	Dương Văn Thăng	Nam	05/08/1990	Bắc Giang	NT-0366	ĐK	6.33	7.06	13.39	7.33	67.50	**20.72**
34	Hà Thị Cúc	Nữ	02/01/1992	Nghệ An	NT-0041	ĐK	7.42	6.39	13.81	6.83	82.50	**20.64**
35	Nguyễn Duy Nhâm	Nam	15/08/1992	Hà Nội	NT-0293	ĐK	7.42	6.05	13.47	7.17	91.25	**20.64**
36	Nguyễn Viết Cao Cường	Nam	16/09/1992	Nghệ An	NT-0044	ĐK	6.33	7.14	13.47	7.17	81.25	**20.64**
37	Trần Thị Phương	Nữ	07/01/1992	Hà Nam	NT-0314	ĐK	7.50	6.30	13.80	6.83	75.00	**20.63**

STT	Họ tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	SBD	Ngành	KẾT QUẢ THI					
							Điểm môn 1	Điểm môn 2	Tổng 2CN	Điểm môn 3	Điểm môn 4	Tổng điểm
38	Đỗ Thị Phương Anh	Nữ	11/06/1991	Thanh Hóa	NT-0013	ĐK	7.42	6.22	13.64	6.92	83.75	**20.56**
39	Phan Thị Bình Minh	Nữ	01/09/1992	Hà Nội	NT-0247	ĐK	7.42	6.22	13.64	6.92	82.50	**20.56**
40	Tống Thị Huyền	Nữ	26/12/1992	Hà Nội	NT-0169	ĐK	7.58	6.55	14.13	6.42	73.75	**20.55**
41	Nguyễn Thị Miền	Nữ	22/12/1992	Bắc Giang	NT-0246	ĐK	7.25	6.47	13.72	6.75	67.50	**20.47**
42	Bùi Văn Sơn	Nam	10/05/1992	Nam Định	NT-0336	ĐK	6.75	6.72	13.47	7.00	86.25	**20.47**
43	Lê Viết Dũng	Nam	02/02/1992	Hà Tĩnh	NT-0056	ĐK	7.17	6.30	13.47	7.00	77.50	**20.47**
44	Đoàn Tuấn Anh	Nam	13/05/1992	Nghệ An	NT-0018	ĐK	7.08	5.97	13.05	7.42	92.50	**20.47**
45	Phạm Văn Lưu	Nam	05/08/1992	Thanh Hóa	NT-0231	ĐK	6.75	6.22	12.97	7.50	77.50	**20.47**
46	Đinh Trung Hiếu	Nam	10/10/1992	Hà Nội	NT-0127	ĐK	7.25	5.88	13.13	7.33	72.50	**20.46**
47	Hồ Thanh Sơn	Nam	13/07/1992	Hải Phòng	NT-0334	ĐK	6.92	6.81	13.73	6.67	75.00	**20.40**
48	Đinh Tuấn Anh	Nam	19/08/1992	Nam Định	NT-0017	ĐK	6.75	6.47	13.22	7.17	82.50	**20.39**
49	Nguyễn Thị Thu Huyền	Nữ	11/04/1992	Vĩnh Phúc	NT-0171	ĐK	6.92	6.30	13.22	7.17	77.50	**20.39**
50	Lê Ngọc Huy	Nam	04/04/1992	Thanh Hóa	NT-0158	ĐK	7.00	6.55	13.55	6.83	81.25	**20.38**
51	Bùi Thị Thảo	Nữ	10/04/1992	Thái Bình	NT-0360	ĐK	7.33	6.13	13.46	6.92	88.75	**20.38**
52	Trần Lê Sơn	Nam	13/06/1992	Quảng Bình	NT-0332	ĐK	7.50	5.80	13.30	7.08	88.75	**20.38**
53	Đặng Thị Hồng Ánh	Nữ	14/01/1992	Hà Nội	NT-0025	ĐK	7.17	6.30	13.47	6.83	73.75	**20.30**
54	Lê Tuấn Nhật Hoàng	Nam	29/06/1992	Hải Phòng	NT-0145	ĐK	6.75	6.13	12.88	7.42	73.75	**20.30**
55	Đường Mạnh Long	Nam	10/09/1992	Hà Nội	NT-0224	ĐK	7.00	5.71	12.71	7.58	95.00	**20.29**
56	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	11/06/1992	Hưng Yên	NT-0153	ĐK	7.17	6.47	13.64	6.58	78.75	**20.22**
57	Đào Thanh Lưu	Nam	25/04/1992	Nghệ An	NT-0230	ĐK	7.00	6.47	13.47	6.75	91.25	**20.22**
58	Nguyễn Vân Anh	Nữ	22/03/1992	Đà Nẵng	NT-0021	ĐK	6.33	6.97	13.30	6.92	87.50	**20.22**
59	Phí Thị Hoàng Yến	Nữ	21/11/1992	Hà Nội	NT-0472	ĐK	7.42	5.88	13.30	6.92	70.00	**20.22**
60	Lê Thị Minh Vượng	Nữ	29/12/1992	Hà Nội	NT-0462	ĐK	6.58	6.30	12.88	7.33	82.50	**20.21**
61	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	09/02/1992	Hải Dương	NT-0364	ĐK	7.75	6.13	13.88	6.25	75.00	**20.13**
62	Đỗ Thị Huyền Trang	Nữ	18/05/1992	Thái Bình	NT-0414	ĐK	6.83	6.47	13.30	6.83	73.75	**20.13**
63	Nguyễn Đình Bắc	Nam	17/09/1992	Hà Tĩnh	NT-0028	ĐK	7.25	6.39	13.64	6.42	81.25	**20.06**
64	Vũ Đình Tâm	Nam	15/11/1992	Nghệ An	NT-0341	ĐK	7.17	6.39	13.56	6.50	77.50	**20.06**
65	Dương Quang Hiệp	Nam	24/07/1992	Thanh Hóa	NT-0120	ĐK	6.42	6.47	12.89	7.17	83.75	**20.06**
66	Hoàng Thị Lành	Nữ	29/10/1992	Hà Nội	NT-0197	ĐK	7.08	6.30	13.38	6.67	83.75	**20.05**
67	Lê Đăng Tân	Nam	16/05/1992	Thanh Hóa	NT-0343	ĐK	6.50	6.72	13.22	6.83	73.75	**20.05**
68	Nguyễn Thị Thu	Nữ	18/08/1992	Nam Định	NT-0387	ĐK	6.58	6.30	12.88	7.17	71.25	**20.05**
69	Đặng Thị Huyền Nhung	Nữ	25/09/1992	Tuyên Quang	NT-0299	ĐK	6.92	5.63	12.55	7.50	76.25	**20.05**

STT	Họ tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	SBD	Ngành	KẾT QUẢ THI					
							Điểm môn 1	Điểm môn 2	Tổng 2CN	Điểm môn 3	Điểm môn 4	Tổng điểm
70	Nguyễn Thị Mát	Nữ	20/12/1992	Thái Bình	NT-0245	ĐK	7.08	5.97	13.05	6.92	83.75	**19.97**
71	Phan Thị Kiều Oanh	Nữ	14/11/1992	Vĩnh Phúc	NT-0303	ĐK	7.92	5.04	12.96	7.00	85.00	**19.96**
72	Lưu Xuân Võ	Nam	22/08/1992	Nghệ An	NT-0459	ĐK	7.08	5.80	12.88	7.08	81.25	**19.96**
73	Đỗ Thị Đài Trang	Nữ	11/10/1992	Thái Bình	NT-0411	ĐK	7.17	6.05	13.22	6.67	80.00	**19.89**
74	Nguyễn Trường Giang	Nam	26/12/1992	Bắc Ninh	NT-0089	ĐK	6.83	6.39	13.22	6.67	72.50	**19.89**
75	Đỗ Thị Xuân Thùy	Nữ	20/10/1992	Hà Nội	NT-0390	ĐK	7.17	5.97	13.14	6.75	73.75	**19.89**
76	Trần Thu Huyền	Nữ	29/05/1992	Nam Định	NT-0173	ĐK	6.83	6.72	13.55	6.33	80.00	**19.88**
77	Đào Thị Nguyệt	Nữ	05/10/1992	Hà Nội	NT-0287	ĐK	6.92	6.22	13.14	6.67	83.75	**19.81**
78	Lê Văn Long	Nam	15/10/1992	Thanh Hóa	NT-0226	ĐK	6.67	5.97	12.64	7.17	82.50	**19.81**
79	Trần Thị Diệu Linh	Nữ	14/12/1992	Hà Tĩnh	NT-0206	ĐK	7.33	6.05	13.38	6.42	85.00	**19.80**
80	Đỗ Thị Hà	Nữ	22/01/1992	Bắc Ninh	NT-0092	ĐK	7.25	5.97	13.22	6.58	73.75	**19.80**
81	Đinh Xuân Mạnh	Nam	04/01/1991	Ninh Bình	NT-0244	ĐK	6.83	5.88	12.71	7.08	77.50	**19.79**
82	Nguyễn Thị Minh Ngọc	Nữ	12/03/1992	Thanh Hóa	NT-0279	ĐK	7.00	5.71	12.71	7.08	70.00	**19.79**
83	Nguyễn Đức Anh	Nam	02/11/1992	Hà Nội	NT-0003	ĐK	7.67	5.97	13.64	6.08	87.50	**19.72**
84	Vũ Việt Sơn	Nam	23/10/1992	Nam Định	NT-0339	ĐK	6.58	6.47	13.05	6.67	86.25	**19.72**
85	Lương Thị Như Huyền	Nữ	05/11/1992	Thanh Hóa	NT-0166	ĐK	6.25	6.55	12.80	6.92	85.00	**19.72**
86	Phan Thị Thúy Ngân	Nữ	15/04/1992	Hà Nội	NT-0274	ĐK	7.08	6.30	13.38	6.33	86.25	**19.71**
87	Hoàng Trọng Hải	Nam	05/09/1992	Nghệ An	NT-0102	ĐK	6.58	6.30	12.88	6.83	78.75	**19.71**
88	Đỗ Thị Thu Hiền	Nữ	10/06/1992	Quảng Ninh	NT-0118	ĐK	6.75	6.97	13.72	5.92	71.25	**19.64**
89	Nguyễn Văn Thoan	Nam	25/11/1991	Nam Định	NT-0381	ĐK	6.92	5.97	12.89	6.75	70.00	**19.64**
90	Vũ Hải Yến	Nữ	12/01/1992	Hà Nội	NT-0470	ĐK	7.75	6.13	13.88	5.75	62.50	**19.63**
91	Phạm Thị Dung	Nữ	28/08/1992	Hải Dương	NT-0053	ĐK	6.08	6.97	13.05	6.58	85.00	**19.63**
92	Nguyễn Ngọc Huy	Nam	25/10/1992	Bắc Ninh	NT-0159	ĐK	7.00	5.63	12.63	7.00	62.50	**19.63**
93	Phạm Thị Bình	Nữ	30/06/1992	Thanh Hóa	NT-0032	ĐK	7.17	6.39	13.56	6.00	77.50	**19.56**
94	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	26/07/1992	Hà Nội	NT-0395	ĐK	7.08	5.80	12.88	6.67	70.00	**19.55**
95	Đỗ Văn Hải	Nam	21/01/1992	Thái Bình	NT-0103	ĐK	6.50	6.22	12.72	6.83	81.25	**19.55**
96	Trịnh Thị Nga	Nữ	20/12/1992	Thanh Hóa	NT-0269	ĐK	7.17	5.46	12.63	6.92	68.75	**19.55**
97	Nguyễn Văn Minh	Nam	22/03/1992	Nam Định	NT-0251	ĐK	6.67	6.39	13.06	6.42	71.25	**19.48**
98	Nguyễn Thị Thanh Nhài	Nữ	30/09/1992	Hưng Yên	NT-0291	ĐK	7.33	5.46	12.79	6.67	72.50	**19.46**
99	Nguyễn An Khang	Nam	14/12/1992	Vĩnh Phúc	NT-0184	ĐK	6.50	6.55	13.05	6.33	77.50	**19.38**
100	Nguyễn Bích Ngọc	Nữ	20/05/1992	Hà Nội	NT-0275	ĐK	6.75	6.05	12.80	6.58	88.75	**19.38**
101	Đoàn Lê Vinh	Nam	30/09/1992	Thanh Hóa	NT-0457	ĐK	6.08	6.72	12.80	6.58	83.75	**19.38**

STT	Họ tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	SBD	Ngành	KẾT QUẢ THI					
							Điểm môn 1	Điểm môn 2	Tổng 2CN	Điểm môn 3	Điểm môn 4	Tổng điểm
102	Phạm Thị Hồng Nhung	Nữ	02/09/1992	Phú Thọ	NT-0296	ĐK	6.92	5.97	12.89	6.42	81.25	**19.31**
103	Khúc Chí Hiếu	Nam	02/10/1992	Hưng Yên	NT-0124	ĐK	6.67	6.13	12.80	6.50	76.25	**19.30**
104	Phạm Đức Trọng	Nam	14/09/1992	Hà Nam	NT-0429	ĐK	6.33	6.30	12.63	6.67	72.50	**19.30**
105	Phạm Xuân Thắng	Nam	09/09/1992	Phú Thọ	NT-0371	ĐK	6.58	6.05	12.63	6.67	70.00	**19.30**
106	Nguyễn Thị Hạnh Thúy	Nữ	01/10/1992	Hà Tĩnh	NT-0397	ĐK	6.75	5.71	12.46	6.83	66.25	**19.29**
107	Ngô Thị Huyền	Nữ	04/10/1992	Nghệ An	NT-0168	ĐK	6.67	5.88	12.55	6.67	83.75	**19.22**
108	Nguyễn Duy Khánh	Nam	12/10/1992	Nghệ An	NT-0186	ĐK	6.17	6.13	12.30	6.92	57.50	**19.22**
109	Khúc Thu Trang	Nữ	16/03/1992	Hải Phòng	NT-0420	ĐK	7.08	5.88	12.96	6.25	91.25	**19.21**
110	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Nữ	13/03/1992	Nghệ An	NT-0325	ĐK	6.58	6.55	13.13	6.00	72.50	**19.13**
111	Nguyễn Thị Nhung	Nữ	06/11/1992	Hà Nội	NT-0301	ĐK	7.00	5.46	12.46	6.67	86.25	**19.13**
112	Trần Đức Thanh	Nam	20/01/1992	Hòa Bình	NT-0349	ĐK	6.17	6.13	12.30	6.83	76.25	**19.13**
113	Ngô Thị Huê	Nữ	02/12/1992	Bắc Ninh	NT-0151	ĐK	6.33	5.80	12.13	7.00	83.75	**19.13**
114	Nguyễn Tuấn Linh	Nam	19/01/1992	Hà Nội	NT-0218	ĐK	6.17	6.64	12.81	6.25	83.75	**19.06**
115	Lê Thế Phi	Nam	23/05/1992	Thanh Hóa	NT-0304	ĐK	6.75	6.13	12.88	6.17	82.50	**19.05**
116	Bùi Thị Nga	Nữ	20/06/1992	Nghệ An	NT-0264	ĐK	6.50	6.13	12.63	6.42	83.75	**19.05**
117	Cao Trung Đức	Nam	20/06/1992	Thanh Hóa	NT-0084	ĐK	6.25	6.30	12.55	6.50	73.75	**19.05**
118	Lại Thanh Tùng	Nam	15/06/1992	Ninh Bình	NT-0442	ĐK	6.67	6.55	13.22	5.75	75.00	**18.97**
119	Đinh Hà Giang	Nữ	26/06/1992	Ninh Bình	NT-0086	ĐK	6.67	6.55	13.22	5.75	67.50	**18.97**
120	Nguyễn Xuân Tuấn	Nam	02/12/1992	Bắc Giang	NT-0438	ĐK	6.67	6.30	12.97	6.00	78.75	**18.97**
121	Đinh Thị Nguyệt	Nữ	06/12/1992	Nam Định	NT-0288	ĐK	7.17	5.80	12.97	6.00	76.25	**18.97**
122	Hoàng Thúy Nga	Nữ	19/12/1992	Bắc Kạn	NT-0270	ĐK	7.00	5.80	12.80	6.17	68.75	**18.97**
123	Vũ Thị Bích Diệp	Nữ	24/07/1992	Thanh Hóa	NT-0049	ĐK	6.58	6.22	12.80	6.17	68.75	**18.97**
124	Ngô Thanh Tú	Nam	16/04/1992	Hà Nội	NT-0434	ĐK	6.75	5.97	12.72	6.25	88.75	**18.97**
125	Hồ Mạnh Linh	Nam	26/01/1992	Phú Thọ	NT-0209	ĐK	6.92	5.13	12.05	6.92	85.00	**18.97**
126	Hoàng Thanh Huyền	Nữ	17/08/1992	Hà Nội	NT-0167	ĐK	6.75	6.13	12.88	6.08	76.25	**18.96**
127	Nguyễn Thị Thu Huyền	Nữ	10/04/1992	Bắc Ninh	NT-0172	ĐK	6.75	5.88	12.63	6.33	72.50	**18.96**
128	Nguyễn Thị Hồng Liễu	Nữ	28/07/1991	Hà Nội	NT-0202	ĐK	6.67	6.47	13.14	5.75	65.00	**18.89**
129	Phan Tuấn Hiếu	Nam	08/08/1992	Nghệ An	NT-0130	ĐK	6.75	6.22	12.97	5.92	70.00	**18.89**
130	Tô Thị Ánh Huyền	Nữ	20/08/1992	Hà Nội	NT-0164	ĐK	6.67	6.05	12.72	6.17	72.50	**18.89**
131	Lê Hữu Thành	Nam	13/03/1992	Thái Bình	NT-0355	ĐK	6.33	6.39	12.72	6.17	63.75	**18.89**
132	Lê Duy Bình	Nam	18/12/1992	Thanh Hóa	NT-0031	ĐK	6.17	6.39	12.56	6.33	78.75	**18.89**
133	Trần Thị Hồng	Nữ	31/01/1992	Thanh Hóa	NT-0148	ĐK	6.42	6.05	12.47	6.42	77.50	**18.89**

STT	Họ tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	SBD	Ngành	KẾT QUẢ THI					
							Điểm môn 1	Điểm môn 2	Tổng 2CN	Điểm môn 3	Điểm môn 4	Tổng điểm
134	Trần Thu Hiền	Nữ	04/05/1992	Nam Định	NT-0119	ĐK	6.50	5.97	12.47	6.42	77.50	**18.89**
135	Ngô Gia Mạnh	Nam	02/11/1992	Hà Nội	NT-0240	ĐK	5.92	6.22	12.14	6.75	83.75	**18.89**
136	Nguyễn Thị Khuyên	Nữ	08/06/1992	Thanh Hóa	NT-0191	ĐK	6.25	6.55	12.80	6.08	72.50	**18.88**
137	Nguyễn Viết Chung	Nam	10/03/1992	Hà Nội	NT-0038	ĐK	6.58	6.13	12.71	6.17	67.50	**18.88**
138	Lê Lan Anh	Nữ	28/04/1992	Nghệ An	NT-0011	ĐK	6.58	5.80	12.38	6.50	87.50	**18.88**
139	Phan Quang Đạt	Nam	06/01/1992	Hà Tĩnh	NT-0072	ĐK	6.33	6.05	12.38	6.50	75.00	**18.88**
140	Trần Thị Quỳnh Nga	Nữ	20/12/1992	Bắc Ninh	NT-0262	ĐK	7.50	5.63	13.13	5.67	92.50	**18.80**
141	Hứa Thị Hiệp	Nữ	24/12/1992	Bắc Ninh	NT-0122	ĐK	6.50	6.05	12.55	6.25	67.50	**18.80**
142	Nguyễn Thị Ngãi	Nữ	26/05/1992	Hải Dương	NT-0272	ĐK	6.83	6.13	12.96	5.83	62.50	**18.79**
143	Mai Trung Anh	Nam	08/08/1992	Hà Nội	NT-0016	ĐK	6.58	5.38	11.96	6.83	77.50	**18.79**
144	Lê Thị Lan Thủy	Nữ	11/12/1992	Hưng Yên	NT-0391	ĐK	6.58	6.22	12.80	5.92	70.00	**18.72**
145	Nguyễn Mạnh Linh	Nam	22/07/1992	Hà Nội	NT-0210	ĐK	6.50	6.22	12.72	6.00	87.50	**18.72**
146	Phạm Thị Nguyệt	Nữ	20/12/1992	Thanh Hóa	NT-0289	ĐK	6.67	5.80	12.47	6.25	75.00	**18.72**
147	Cao Sỹ Phước	Nam	07/05/1992	Hà Nội	NT-0310	ĐK	6.50	5.71	12.21	6.50	67.50	**18.71**
148	Trần Hoàng Linh	Nam	23/02/1992	Hà Nội	NT-0208	ĐK	6.75	5.29	12.04	6.67	82.50	**18.71**
149	Nguyễn Thị Hồng Loan	Nữ	24/08/1992	Nam Định	NT-0220	ĐK	6.83	6.39	13.22	5.42	52.50	**18.64**
150	Phạm Anh Sơn	Nam	03/05/1992	Thái Bình	NT-0329	ĐK	5.92	6.55	12.47	6.17	85.00	**18.64**
151	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	15/08/1992	Hà Nội	NT-0111	ĐK	6.83	6.05	12.88	5.75	87.50	**18.63**
152	Nguyễn Thị Cúc Nhung	Nữ	07/06/1992	Nam Định	NT-0294	ĐK	6.58	5.88	12.46	6.17	75.00	**18.63**
153	Nguyễn Sơn Tùng	Nam	22/10/1992	Yên Bái	NT-0439	ĐK	6.75	5.71	12.46	6.17	75.00	**18.63**
154	Nguyễn Thị Linh Lan	Nữ	14/10/1992	Hà Nội	NT-0195	ĐK	6.67	5.46	12.13	6.50	72.50	**18.63**
155	Nguyễn Minh Nguyên	Nam	20/08/1992	Phú Thọ	NT-0285	ĐK	6.42	5.63	12.05	6.58	53.75	**18.63**
156	Võ Đức Linh	Nam	16/09/1992	Nghệ An	NT-0207	ĐK	6.08	5.88	11.96	6.67	70.00	**18.63**
157	Trần Quốc Khánh	Nam	06/11/1992	Nghệ An	NT-0188	ĐK	6.08	5.80	11.88	6.75	73.75	**18.63**
158	Hoàng Dương Huy	Nam	13/01/1992	Hà Nội	NT-0157	ĐK	6.42	5.97	12.39	6.17	75.00	**18.56**
159	Đặng Vân Thanh	Nữ	15/02/1992	Hải Phòng	NT-0353	ĐK	6.92	5.71	12.63	5.92	95.00	**18.55**
160	Trần Minh Hiếu	Nam	09/09/1992	Hà Nội	NT-0126	ĐK	6.58	5.97	12.55	6.00	73.75	**18.55**
161	Bùi Quốc Việt	Nam	13/10/1992	Vĩnh Phúc	NT-0453	ĐK	6.67	5.88	12.55	6.00	57.50	**18.55**
162	Nguyễn Hải Anh	Nam	23/11/1992	Sơn La	NT-0005	ĐK	6.25	6.22	12.47	6.08	80.00	**18.55**
163	Lê Khắc Mạnh	Nam	15/10/1992	Thanh Hóa	NT-0242	ĐK	6.67	5.46	12.13	6.42	68.75	**18.55**
164	Vũ Thị Hằng	Nữ	13/12/1992	Hưng Yên	NT-0112	ĐK	7.25	5.21	12.46	6.08	61.25	**18.54**
165	Đỗ Văn Hồi	Nam	25/09/1992	Hà Nam	NT-0147	ĐK	6.33	5.46	11.79	6.75	87.50	**18.54**

STT	Họ tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	SBD	Ngành	KẾT QUẢ THI					
							Điểm môn 1	Điểm môn 2	Tổng 2CN	Điểm môn 3	Điểm môn 4	Tổng điểm
166	Phạm Thanh Bằng	Nam	12/10/1992	Thanh Hóa	NT-0029	ĐK	6.50	6.22	12.72	5.75	77.50	**18.47**
167	Phạm Thị Lan Hương	Nữ	05/11/1992	Nam Định	NT-0179	ĐK	6.92	5.55	12.47	6.00	75.00	**18.47**
168	Đặng Tuấn Dũng	Nam	15/09/1992	Hà Nội	NT-0055	ĐK	6.17	5.63	11.80	6.67	93.75	**18.47**
169	Lê Hữu Mạnh	Nam	21/04/1992	Thanh Hóa	NT-0241	ĐK	5.67	6.13	11.80	6.67	78.75	**18.47**
170	Đào Thanh Hải	Nam	21/09/1992	Hà Nội	NT-0101	ĐK	6.83	5.88	12.71	5.75	63.75	**18.46**
171	Lê Thị Tươi	Nữ	11/04/1992	Vĩnh Phúc	NT-0447	ĐK	6.50	5.88	12.38	6.08	60.00	**18.46**
172	Nguyễn Văn Huy	Nam	04/01/1992	Bắc Giang	NT-0162	ĐK	6.33	5.29	11.62	6.83	75.00	**18.45**
173	Trần Văn Kiên	Nam	13/12/1992	Hưng Yên	NT-0193	ĐK	6.25	5.97	12.22	6.17	73.75	**18.39**
174	Nguyễn Thị Hoàng Yến	Nữ	10/04/1992	Bắc Ninh	NT-0471	ĐK	7.00	5.63	12.63	5.75	82.50	**18.38**
175	Vũ Huy Sơn	Nam	19/07/1992	Bắc Giang	NT-0331	ĐK	6.25	6.13	12.38	6.00	87.50	**18.38**
176	Vũ Xuân Diệu	Nam	12/04/1992	Nam Định	NT-0051	ĐK	6.75	5.63	12.38	6.00	83.75	**18.38**
177	Phạm Thị Hải Yến	Nữ	17/02/1992	Hưng Yên	NT-0469	ĐK	6.75	5.63	12.38	6.00	65.00	**18.38**
178	Ngọ Thị Thảo	Nữ	18/06/1992	Thanh Hóa	NT-0362	ĐK	6.33	5.88	12.21	6.17	81.25	**18.38**
179	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	20/04/1992	Nam Định	NT-0019	ĐK	6.58	5.29	11.87	6.50	86.25	**18.37**
180	Hà Ngọc Thủy	Nam	23/03/1992	Vĩnh Phúc	NT-0392	ĐK	6.83	6.22	13.05	5.25	61.25	**18.30**
181	Phạm Thuần Mạnh	Nam	22/09/1992	Hải Dương	NT-0243	ĐK	6.75	6.05	12.80	5.50	57.50	**18.30**
182	Bùi Linh Chi	Nữ	25/03/1992	Nghệ An	NT-0035	ĐK	6.08	6.39	12.47	5.83	76.25	**18.30**
183	Vũ Thị Hảo	Nữ	02/10/1992	Thanh Hóa	NT-0110	ĐK	6.42	5.80	12.22	6.08	82.50	**18.30**
184	Nguyễn Đình Thạch	Nam	15/11/1992	Bắc Ninh	NT-0346	ĐK	6.00	6.13	12.13	6.17	66.25	**18.30**
185	Hoàng Minh Đức	Nữ	12/01/1992	Hà Nội	NT-0079	ĐK	6.50	5.55	12.05	6.25	91.25	**18.30**
186	Vi Thị My	Nữ	06/04/1992	Bắc Giang	NT-0254	ĐK	5.50	6.55	12.05	6.25	73.75	**18.30**
187	Bùi Thị Nga	Nữ	06/05/1992	Nam Định	NT-0265	ĐK	6.25	5.55	11.80	6.50	88.75	**18.30**
188	Bùi Bích Mai	Nữ	15/02/1992	Hòa Bình	NT-0233	ĐK	6.58	6.22	12.80	5.42	70.00	**18.22**
189	Phạm Văn Huy	Nam	18/10/1992	Bắc Giang	NT-0163	ĐK	6.67	5.63	12.30	5.92	57.50	**18.22**
190	Tăng Thị Hưng	Nam	05/04/1992	Hải Dương	NT-0175	ĐK	6.00	6.05	12.05	6.17	75.00	**18.22**
191	Nguyễn Thị Thu Phương	Nữ	15/06/1992	Nam Định	NT-0316	ĐK	5.83	5.97	11.80	6.42	76.25	**18.22**
192	Vũ Hạnh Hoa	Nữ	12/02/1992	Nam Định	NT-0134	ĐK	6.50	5.88	12.38	5.83	68.75	**18.21**
193	Nguyễn Đức Tuấn	Nam	09/12/1992	Bắc Ninh	NT-0435	ĐK	6.58	5.71	12.29	5.92	70.00	**18.21**
194	Dương Hữu Hiếu	Nam	19/10/1992	Bắc Giang	NT-0125	ĐK	6.75	5.46	12.21	6.00	81.25	**18.21**
195	Nguyễn Thị Nhàn	Nữ	20/07/1992	Hà Nam	NT-0292	ĐK	6.08	6.05	12.13	6.08	78.75	**18.21**
196	Nguyễn Thị Bé Duyên	Nữ	19/04/1992	Bắc Ninh	NT-0061	ĐK	6.50	5.63	12.13	6.08	75.00	**18.21**
197	Lê Phương Thúy	Nữ	03/04/1992	Quảng Ninh	NT-0399	ĐK	6.25	5.71	11.96	6.25	68.75	**18.21**

STT	Họ tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	SBD	Ngành	KẾT QUẢ THI					
							Điểm môn 1	Điểm môn 2	Tổng 2CN	Điểm môn 3	Điểm môn 4	Tổng điểm
198	Vũ Đức Dương	Nam	06/11/1992	Thái Bình	NT-0063	ĐK	6.17	6.47	12.64	5.50	67.50	**18.14**
199	Hoàng Minh Thiền	Nam	15/10/1992	Hà Nam	NT-0373	ĐK	6.17	5.97	12.14	6.00	65.00	**18.14**
200	Trịnh Thị Vân Anh	Nữ	01/08/1992	Nam Định	NT-0023	ĐK	6.92	5.63	12.55	5.58	80.00	**18.13**
201	Đặng Thị Nga	Nữ	20/04/1992	Thái Bình	NT-0266	ĐK	5.75	6.30	12.05	6.08	82.50	**18.13**
202	Bùi Sơn Thắng	Nam	11/02/1992	Nghệ An	NT-0369	ĐK	6.67	5.21	11.88	6.25	88.75	**18.13**
203	Phạm Thị Xuân	Nữ	13/03/1992	Nam Định	NT-0464	ĐK	6.00	5.88	11.88	6.25	76.25	**18.13**
204	Nguyễn Thị Định	Nữ	22/11/1992	Vĩnh Phúc	NT-0075	ĐK	5.83	5.80	11.63	6.50	81.25	**18.13**
205	Nguyễn Thị Hà	Nữ	08/11/1992	Hà Nội	NT-0094	ĐK	6.50	5.88	12.38	5.67	57.50	**18.05**
206	Lê Hà Phương	Nữ	15/02/1992	Thanh Hóa	NT-0312	ĐK	6.50	5.80	12.30	5.75	55.00	**18.05**
207	Trần Văn Chức	Nam	28/06/1992	Nam Định	NT-0039	ĐK	6.08	5.71	11.79	6.25	57.50	**18.04**
208	Hoàng Việt	Nam	07/09/1992	Hà Nội	NT-0452	ĐK	6.67	5.13	11.80	6.17	95.00	**17.97**
209	Trần Tiến Đạt	Nam	02/06/1992	Lạng Sơn	NT-0073	ĐK	6.17	5.71	11.88	6.08	72.50	**17.96**
210	Phạm Văn Dương	Nam	17/12/1992	Bắc Ninh	NT-0068	ĐK	6.50	5.29	11.79	6.17	50.00	**17.96**
211	Nguyễn Thị Trang	Nữ	09/11/1992	Hải Phòng	NT-0418	ĐK	5.83	5.71	11.54	6.42	77.50	**17.96**
212	Lê Xuân Quý	Nam	11/03/1992	Thanh Hóa	NT-0324	ĐK	6.67	6.05	12.72	5.17	52.50	**17.89**
213	Nguyễn Thị Thanh Hòa	Nữ	28/01/1992	Hà Nội	NT-0138	ĐK	5.92	6.39	12.31	5.58	81.25	**17.89**
214	Nguyễn Thị Hảo	Nữ	24/02/1992	Hà Nội	NT-0109	ĐK	6.42	5.55	11.97	5.92	90.00	**17.89**
215	Doãn Thế Hà	Nam	15/10/1992	Hải Dương	NT-0091	ĐK	6.58	5.97	12.55	5.33	86.25	**17.88**
216	Trần Văn Phú	Nam	16/03/1992	Hà Tĩnh	NT-0308	ĐK	6.50	5.88	12.38	5.50	67.50	**17.88**
217	Lê Thị Duyên	Nữ	02/11/1992	Thanh Hóa	NT-0062	ĐK	6.50	5.80	12.30	5.58	80.00	**17.88**
218	Bùi Thanh Thủy	Nữ	02/01/1992	Thái Bình	NT-0393	ĐK	7.17	5.04	12.21	5.67	67.50	**17.88**
219	Bùi Thị Huyền My	Nữ	28/10/1992	Hà Nội	NT-0253	ĐK	6.42	5.71	12.13	5.75	62.50	**17.88**
220	Đào Thị Mai Hương	Nữ	30/03/1992	Hà Nội	NT-0180	ĐK	6.17	5.88	12.05	5.83	78.75	**17.88**
221	Nguyễn Thị Quỳnh	Nữ	30/04/1992	Bắc Ninh	NT-0326	ĐK	5.75	5.80	11.55	6.33	73.75	**17.88**
222	Lại Minh Hoàn	Nam	10/12/1992	Hà Nội	NT-0141	ĐK	5.92	5.97	11.89	5.92	82.50	**17.81**
223	Nguyễn Hữu Viện	Nam	17/10/1992	Bắc Ninh	NT-0450	ĐK	6.33	5.80	12.13	5.67	87.50	**17.80**
224	Cao Thị Hảo	Nữ	12/12/1992	Nghệ An	NT-0108	ĐK	6.75	5.13	11.88	5.92	67.50	**17.80**
225	Trương Quang Huy	Nam	31/01/1992	Nam Định	NT-0160	ĐK	5.92	5.71	11.63	6.17	83.75	**17.80**
226	Nguyễn Kim Quân	Nam	25/10/1992	Bắc Ninh	NT-0322	ĐK	6.17	5.21	11.38	6.42	73.75	**17.80**
227	Nguyễn Thị Trang	Nữ	07/10/1992	Thái Bình	NT-0417	ĐK	5.92	6.22	12.14	5.58	83.75	**17.72**
228	Đặng Hoàng Lê	Nam	26/05/1992	Nghệ An	NT-0200	ĐK	5.92	6.13	12.05	5.67	68.75	**17.72**
229	Lưu Thảo Ngọc	Nữ	27/10/1992	Hà Nội	NT-0281	ĐK	6.17	5.80	11.97	5.75	65.00	**17.72**

STT	Họ tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	SBD	Ngành	KẾT QUẢ THI					
							Điểm môn 1	Điểm môn 2	Tổng 2CN	Điểm môn 3	Điểm môn 4	Tổng điểm
230	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	14/10/1992	Hà Tĩnh	NT-0467	ĐK	6.25	5.71	11.96	5.75	75.00	**17.71**
231	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	22/08/1992	Thanh Hóa	NT-0394	ĐK	6.33	5.55	11.88	5.83	80.00	**17.71**
232	Đặng Phi Dương	Nam	30/06/1992	Nghệ An	NT-0065	ĐK	6.17	5.88	12.05	5.58	60.00	**17.63**
233	Hoàng Thị Hoa	Nữ	20/11/1992	Bắc Giang	NT-0136	ĐK	6.50	5.29	11.79	5.83	75.00	**17.62**
234	Ngô Ngọc Quang	Nam	03/10/1992	Hà Nội	NT-0318	ĐK	6.42	5.97	12.39	5.17	66.25	**17.56**
235	Nguyễn Thị Thu Thủy	Nữ	20/05/1992	Hải Phòng	NT-0396	ĐK	6.50	5.55	12.05	5.50	80.00	**17.55**
236	Nguyễn Ngọc Bích	Nữ	03/05/1992	Hòa Bình	NT-0030	ĐK	6.17	5.46	11.63	5.92	67.50	**17.55**
237	Nguyễn Tuấn Việt	Nam	30/12/1992	Thanh Hóa	NT-0456	ĐK	5.42	6.05	11.47	6.08	65.00	**17.55**
238	Phạm Thế Đức	Nam	04/11/1992	Hà Nội	NT-0083	ĐK	6.25	5.71	11.96	5.58	75.00	**17.54**
239	Tiêu Đức Cường	Nam	05/07/1992	Hải Dương	NT-0045	ĐK	6.25	5.29	11.54	6.00	62.50	**17.54**
240	Lê Thị Việt Hà	Nữ	14/12/1992	Ninh Bình	NT-0098	ĐK	6.08	5.29	11.37	6.17	83.75	**17.54**
241	Lại Văn Thái	Nam	15/05/1992	Hà Nam	NT-0347	ĐK	5.92	6.05	11.97	5.50	75.00	**17.47**
242	Hồ Thị Mai	Nữ	09/12/1992	Nghệ An	NT-0235	ĐK	6.50	5.63	12.13	5.33	85.00	**17.46**
243	Lê Thị Ngọc Diệp	Nữ	16/01/1992	Hà Nội	NT-0050	ĐK	6.83	5.21	12.04	5.42	80.00	**17.46**
244	Nguyễn Bá Linh	Nam	24/01/1991	Nghệ An	NT-0203	ĐK	6.83	5.21	12.04	5.42	67.50	**17.46**
245	Dương Đức Hữu	Nam	17/10/1992	Hải Dương	NT-0183	ĐK	6.25	5.63	11.88	5.58	90.00	**17.46**
246	Ngô Thị Phượng	Nữ	25/05/1992	Hải Dương	NT-0317	ĐK	6.42	5.21	11.63	5.83	87.50	**17.46**
247	Nguyễn Hà Châm	Nữ	23/12/1992	Hải Dương	NT-0033	ĐK	6.25	5.21	11.46	6.00	77.50	**17.46**
248	Nguyễn Phan Hiền	Nữ	20/11/1991	Hưng Yên	NT-0115	ĐK	6.50	5.88	12.38	5.00	75.00	**17.38**
249	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	19/02/1992	Hà Nội	NT-0113	ĐK	6.50	5.88	12.38	5.00	63.75	**17.38**
250	Bùi Văn Long	Nam	18/03/1992	Thái Bình	NT-0225	ĐK	6.33	5.13	11.46	5.92	70.00	**17.38**
251	Trần Văn Trường	Nam	10/12/1992	Hải Dương	NT-0433	ĐK	6.17	5.13	11.30	6.08	78.75	**17.38**
252	Nguyễn Mạnh Hoài	Nam	09/01/1992	Bắc Giang	NT-0139	ĐK	6.33	5.46	11.79	5.58	72.50	**17.37**
253	Bùi Thị Thu Phương	Nữ	28/10/1992	Hà Nội	NT-0315	ĐK	6.08	5.29	11.37	6.00	75.00	**17.37**
254	Nguyễn Văn Hiệu	Nam	04/04/1992	Thái Bình	NT-0133	ĐK	6.08	5.80	11.88	5.42	65.00	**17.30**
255	Hoàng Văn Huân	Nam	30/10/1992	Thái Bình	NT-0150	ĐK	6.08	5.80	11.88	5.42	62.50	**17.30**
256	Đỗ Thanh Tùng	Nam	16/02/1992	Bắc Giang	NT-0441	ĐK	5.92	5.46	11.38	5.92	77.50	**17.30**
257	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	22/12/1991	Hưng Yên	NT-0095	ĐK	6.50	5.46	11.96	5.33	76.25	**17.29**
258	Nguyễn Phượng Quỳnh Anh	Nữ	18/12/1992	Hà Nội	NT-0014	ĐK	6.58	5.21	11.79	5.50	85.00	**17.29**
259	Đinh Hữu Tâm	Nam	15/02/1992	Nghệ An	NT-0342	ĐK	5.75	5.46	11.21	6.00	70.00	**17.21**
260	Phạm Sơn Tùng	Nam	01/10/1992	Tuyên Quang	NT-0440	ĐK	5.58	5.46	11.04	6.17	80.00	**17.21**
261	Hoàng Tuấn Phong	Nam	23/10/1992	Lào Cai	NT-0305	ĐK	6.50	5.13	11.63	5.50	78.75	**17.13**

STT	Họ tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	SBD	Ngành	KẾT QUẢ THI					
							Điểm môn 1	Điểm môn 2	Tổng 2CN	Điểm môn 3	Điểm môn 4	Tổng điểm
262	Nguyễn Văn Hiếu	Nam	22/12/1992	Nam Định	NT-0132	ĐK	5.67	5.63	11.30	5.83	80.00	**17.13**
263	Lê Trung Sơn	Nam	12/09/1992	Hà Nội	NT-0335	ĐK	6.50	5.38	11.88	5.17	63.75	**17.05**
264	Trần Văn Khoa	Nam	11/08/1992	Hà Nội	NT-0190	ĐK	5.58	5.46	11.04	6.00	68.75	**17.04**
265	Trần Đức Cung	Nam	09/06/1992	Bắc Ninh	NT-0042	ĐK	5.92	5.71	11.63	5.33	82.50	**16.96**
266	Hoàng Anh	Nam	06/11/1992	Nam Định	NT-0007	ĐK	6.08	5.13	11.21	5.75	66.25	**16.96**
267	Tạ Tiên Sinh	Nam	16/09/1992	Bắc Ninh	NT-0328	ĐK	5.58	5.46	11.04	5.92	77.50	**16.96**
268	Nguyễn Trung Việt	Nam	10/06/1992	Hà Nội	NT-0455	ĐK	6.17	5.04	11.21	5.67	75.00	**16.88**
269	Phạm Thế Hùng	Nam	09/01/1992	Hải Dương	NT-0154	ĐK	5.75	5.21	10.96	5.92	62.50	**16.88**
270	Đinh Thị Thu	Nữ	22/02/1992	Thái Bình	NT-0385	ĐK	6.17	5.46	11.63	5.17	72.50	**16.80**
271	Nguyễn Văn Trường	Nam	26/08/1992	Bắc Ninh	NT-0432	ĐK	5.92	5.21	11.13	5.67	67.50	**16.80**
272	Trần Thị Ngọc Trâm	Nữ	15/08/1992	Nghệ An	NT-0426	ĐK	5.83	5.21	11.04	5.75	68.75	**16.79**
273	Nguyễn Minh Ngọc	Nữ	07/11/1992	Yên Bái	NT-0278	ĐK	5.58	6.05	11.63	5.08	77.50	**16.71**
274	Đỗ Thị Tiền	Nữ	23/08/1992	Hà Nội	NT-0403	ĐK	6.00	5.29	11.29	5.42	73.75	**16.71**
275	Hoàng Thị Hoa	Nữ	23/12/1992	Nam Định	NT-0135	ĐK	5.67	5.38	11.05	5.58	87.50	**16.63**
276	Nguyễn Chiến Thắng	Nam	31/03/1992	Hà Tĩnh	NT-0367	ĐK	5.58	5.13	10.71	5.92	86.25	**16.63**
277	Trịnh Thu Hà	Nữ	25/08/1992	Thái Bình	NT-0097	ĐK	6.58	5.04	11.62	5.00	53.75	**16.62**
278	Phạm Vũ Út	Nam	18/01/1992	Thanh Hóa	NT-0448	ĐK	5.67	5.63	11.30	5.25	71.25	**16.55**
279	Hà Công Đức	Nam	12/10/1992	Phú Thọ	NT-0077	ĐK	5.67	5.63	11.30	5.25	68.75	**16.55**
280	Dương Văn Hiếu	Nam	19/10/1992	Vĩnh Phúc	NT-0131	ĐK	5.25	5.38	10.63	5.92	50.00	**16.55**
281	Lê Thị Ngọc Hà	Nữ	28/11/1992	Thanh Hóa	NT-0090	ĐK	5.33	5.88	11.21	5.33	72.50	**16.54**
282	Lê Thị Hà	Nữ	18/03/1991	Thanh Hóa	NT-0093	ĐK	6.08	5.13	11.21	5.33	55.00	**16.54**
283	Ngô Thị Hiền	Nữ	13/10/1992	Nam Định	NT-0116	ĐK	5.25	5.97	11.22	5.25	73.75	**16.47**
284	Vương Văn Chiến	Nam	21/07/1992	Hải Dương	NT-0036	ĐK	5.42	5.13	10.55	5.92	58.75	**16.47**
285	Lê Chi Thịnh	Nam	12/08/1992	Hà Nội	NT-0377	ĐK	5.50	5.63	11.13	5.33	68.75	**16.46**
286	Trần Thị Phương Nhung	Nữ	28/09/1992	Hà Bắc?	NT-0300	ĐK	5.08	5.55	10.63	5.83	77.50	**16.46**
287	Kiều Hữu Dương	Nam	28/07/1992	Hà Nội	NT-0064	ĐK	6.17	5.13	11.30	5.08	60.00	**16.38**
288	Nguyễn Tuấn Phong	Nam	24/07/1992	Hà Nội	NT-0306	ĐK	5.50	5.71	11.21	5.17	75.00	**16.38**
289	Nguyễn Tùng Lâm	Nam	10/07/1991	Thái Bình	NT-0199	ĐK	5.33	5.80	11.13	5.25	80.00	**16.38**
290	Lê Thị Thương	Nữ	06/05/1992	Hà Nội	NT-0401	ĐK	5.92	5.13	11.05	5.33	76.25	**16.38**
291	Nguyễn Văn Khoa	Nam	16/05/1991	Bắc Giang	NT-0189	ĐK	5.00	6.30	11.30	5.00	61.25	**16.30**
292	Nguyễn Văn Thiết	Nam	23/12/1992	Bắc Ninh	NT-0375	ĐK	5.58	5.55	11.13	5.17	50.00	**16.30**
293	Lê Thị Thu Huyền	Nữ	25/03/1992	Nam Định	NT-0170	ĐK	5.42	5.38	10.80	5.50	85.00	**16.30**

STT	Họ tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	SBD	Ngành	KẾT QUẢ THI					
							Điểm môn 1	Điểm môn 2	Tổng 2CN	Điểm môn 3	Điểm môn 4	Tổng điểm
294	Nguyễn Xuân Vinh	Nam	18/08/1992	Hà Nội	NT-0458	ĐK	5.50	5.71	11.21	5.00	86.25	**16.21**
295	Lê Thị Linh	Nữ	10/07/1992	Thanh Hóa	NT-0212	ĐK	5.58	5.13	10.71	5.50	67.50	**16.21**
296	Nguyễn Văn Thiệu	Nam	25/05/1992	Hà Nội	NT-0376	ĐK	5.42	5.55	10.97	5.17	80.00	**16.14**
297	Đào Thị Dung	Nữ	27/04/1992	Bắc Ninh	NT-0052	ĐK	5.42	5.46	10.88	5.25	66.25	**16.13**
298	Chu Thị Mùi	Nữ	08/09/1992	Hà Nội	NT-0252	ĐK	5.75	5.29	11.04	5.00	62.50	**16.04**
299	Trần Thị Tuyết Mai	Nữ	07/01/1992	Cộng Hòa Liê	NT-0239	ĐK	5.75	5.04	10.79	5.25	87.50	**16.04**
300	Nguyễn Thái Minh Hảo	Nữ	02/08/1992	Hà Nội	NT-0107	ĐK	5.33	5.13	10.46	5.42	61.25	**15.88**
301	Ngô Văn Nam	Nam	19/05/1992	Thanh Hóa	NT-0261	ĐK	5.42	5.13	10.55	5.17	57.50	**15.72**
302	Nguyễn Xuân Tuyến	Nam	29/02/1992	Hải Dương	NT-0445	ĐK	5.17	5.38	10.55	5.00	56.25	**15.55**
303	Hoàng Lê Minh Châu	Nam	07/02/1992	Hà Nội	NT-0034	ĐK	5.08	5.21	10.29	5.17	82.50	**15.46**
1	Nguyễn Quốc An	Nam	29/12/1992	Nghệ An	NT-0001	ĐK	7.75	4.96	12.71	6.92	62.50	**19.63**
2	Nguyễn Văn Luân	Nam	04/04/1991	Nam Định	NT-0229	ĐK	7.33	6.55	13.88	5.67	28.75	**19.55**
3	Hồ Hữu Tiến	Nam	01/10/1992	Nghệ An	NT-0404	ĐK	6.83	5.55	12.38	5.67	45.00	**18.05**
4	Đàm Tuấn Đạt	Nam	28/05/1992	Bắc Ninh	NT-0074	ĐK	6.58	4.96	11.54	6.17	72.50	**17.71**
5	Nguyễn Mai Thư	Nữ	14/11/1992	Hà Nội	NT-0400	ĐK	6.33	5.71	12.04	5.58	48.75	**17.62**
6	Vũ Thùy Trang	Nữ	10/03/1992	Nam Định	NT-0422	ĐK	6.42	6.22	12.64	4.92	86.25	**17.56**
7	Nguyễn Thị Thanh Hương	Nữ	13/10/1992	Vĩnh Phúc	NT-0181	ĐK	6.25	5.97	12.22	5.33	45.00	**17.55**
8	Nguyễn Văn Hùng	Nam	11/05/1992	Hà Nam	NT-0155	ĐK	6.75	5.13	11.88	5.58	46.25	**17.46**
9	Dương Thị Ngân	Nữ	14/08/1990	Bắc Ninh	NT-0273	ĐK	6.58	5.97	12.55	4.83	78.75	**17.38**
10	Nguyễn Ngọc Vĩnh Yên	Nam	02/08/1992	Bắc Ninh	NT-0465	ĐK	6.25	4.96	11.21	6.08	82.50	**17.29**
11	Nguyễn Thị Thơm	Nữ	04/11/1992	Nam Định	NT-0382	ĐK	6.75	4.71	11.46	5.75	81.25	**17.21**
12	Lưu Phương Thanh	Nữ	30/04/1992	Phú Thọ	NT-0350	ĐK	6.25	4.71	10.96	6.25	73.75	**17.21**
13	Khuất Duy Chung	Nam	04/10/1992	Hà Nội	NT-0037	ĐK	7.17	4.54	11.71	5.42	53.75	**17.13**
14	Nguyễn Văn Cung	Nam	06/11/1991	Bắc Ninh	NT-0043	ĐK	5.58	5.55	11.13	6.00	41.25	**17.13**
15	Đỗ Khánh Toàn	Nam	20/03/1992	Thanh Hóa	NT-0408	ĐK	6.92	5.21	12.13	4.92	70.00	**17.05**
16	Nguyễn Thị Phương Liên	Nữ	25/01/1992	Bắc Ninh	NT-0201	ĐK	5.50	5.29	10.79	6.08	31.25	**16.87**
17	Doãn Minh Thành	Nam	25/10/1992	Hà Nội	NT-0357	ĐK	6.42	5.46	11.88	4.92	62.50	**16.80**
18	Lê Quang Đại	Nam	23/06/1992	Vĩnh Phúc	NT-0069	ĐK	6.42	5.55	11.97	4.75	72.50	**16.72**
19	Đỗ Văn Hoãn	Nam	14/12/1992	Hải Dương	NT-0142	ĐK	5.75	5.13	10.88	5.83	37.50	**16.71**
20	Lương Trung Thành	Nam	15/11/1992	Nam Định	NT-0358	ĐK	5.92	4.79	10.71	6.00	78.75	**16.71**
21	Hoàng Thị Thoa	Nữ	07/03/1992	Hưng Yên	NT-0380	ĐK	5.92	4.87	10.79	5.75	67.50	**16.54**
22	Lê Duy Hoàn	Nam	17/12/1992	Hà Nội	NT-0140	ĐK	5.92	5.63	11.55	4.92	46.25	**16.47**

STT	Họ tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	SBD	Ngành	KẾT QUẢ THI					
							Điểm môn 1	Điểm môn 2	Tổng 2CN	Điểm môn 3	Điểm môn 4	Tổng điểm
23	Nguyễn Thị Giang	Nữ	18/11/1992	Bắc Ninh	NT-0087	ĐK	6.25	4.79	11.04	5.42	81.25	**16.46**
24	Phạm Đức Anh	Nam	19/11/1992	Yên Bái	NT-0004	ĐK	6.08	4.62	10.70	5.75	86.25	**16.45**
25	Nguyễn Mạnh Cường	Nam	01/08/1992	Vĩnh Phúc	NT-0046	ĐK	5.25	4.87	10.12	6.33	75.00	**16.45**
26	Nguyễn Đăng Hải	Nam	01/06/1992	Hà Nội	NT-0100	ĐK	6.17	5.38	11.55	4.83	78.75	**16.38**
27	Vũ Hải Nam	Nam	26/10/1992	Hưng Yên	NT-0255	ĐK	5.83	5.71	11.54	4.83	68.75	**16.37**
28	Cao Thị Ánh Tuyết	Nữ	15/01/1992	Nghệ An	NT-0446	ĐK	6.00	5.97	11.97	4.33	68.75	**16.30**
29	Nguyễn Hải Yến	Nữ	16/10/1992	Bắc Ninh	NT-0466	ĐK	5.83	5.80	11.63	4.67	62.50	**16.30**
30	Nguyễn Thị Bích Phương	Nữ	15/05/1992	Phú Thọ	NT-0311	ĐK	5.25	6.05	11.30	5.00	48.75	**16.30**
31	Nguyễn Thị Thanh Lan	Nữ	02/10/1992	Quảng Ngãi	NT-0196	ĐK	6.25	5.29	11.54	4.75	73.75	**16.29**
32	Nguyễn Văn Lam	Nam	09/07/1992	Ninh Bình	NT-0194	ĐK	6.08	4.87	10.95	5.33	80.00	**16.28**
33	Trần Thị Thắng	Nữ	10/06/1992	Nghệ An	NT-0370	ĐK	5.92	5.63	11.55	4.67	56.25	**16.22**
34	Nguyễn Ngọc Trâm	Nữ	04/02/1992	Hà Nội	NT-0425	ĐK	5.83	5.80	11.63	4.58	65.00	**16.21**
35	Nguyễn Văn Sơn	Nam	17/02/1992	Hà Nội	NT-0337	ĐK	5.50	4.79	10.29	5.92	68.75	**16.21**
36	Nguyễn Thị Kiều Anh	Nữ	16/02/1992	Hà Tĩnh	NT-0010	ĐK	6.00	5.55	11.55	4.50	63.75	**16.05**
37	Đàm Thị Thảo	Nữ	10/05/1992	Bắc Ninh	NT-0361	ĐK	5.58	5.55	11.13	4.92	55.00	**16.05**
38	Trần Hoàng Nam	Nam	28/05/1992	Bắc Ninh	NT-0259	ĐK	6.00	4.62	10.62	5.42	73.75	**16.04**
39	Trần Trung Hiếu	Nam	07/02/1992	Thái Bình	NT-0129	ĐK	4.92	4.87	9.79	6.25	61.25	**16.04**
40	Nguyễn Hoài Nam	Nam	10/04/1992	Hà Nội	NT-0257	ĐK	6.08	4.96	11.04	4.92	57.50	**15.96**
41	Phạm Thị Hoa	Nữ	18/01/1992	Hà Nội	NT-0137	ĐK	5.33	4.96	10.29	5.58	71.25	**15.87**
42	Trần Xuân Công	Nam	16/11/1992	Nghệ An	NT-0040	ĐK	5.58	5.55	11.13	4.67	78.75	**15.80**
43	Đàm Thị Thu Thảo	Nữ	31/10/1992	Bắc Giang	NT-0363	ĐK	5.67	4.96	10.63	5.17	42.50	**15.80**
44	Phạm Vũ Minh Hoàng	Nam	20/11/1992	Quảng Ninh	NT-0144	ĐK	5.58	5.46	11.04	4.75	70.00	**15.79**
45	Nguyễn Hồng Trang	Nữ	19/02/1992	Nam Định	NT-0412	ĐK	6.00	4.87	10.87	4.92	60.00	**15.79**
46	Võ Thị Thùy Trang	Nữ	13/08/1992	Hà Tĩnh	NT-0421	ĐK	5.33	4.87	10.20	5.58	71.25	**15.78**
47	Nguyễn Tùng Minh	Nữ	20/08/1992	Vĩnh Phúc	NT-0250	ĐK	6.17	5.38	11.55	4.17	70.00	**15.72**
48	Hạ Văn Quý	Nam	27/02/1992	Vĩnh Phúc	NT-0323	ĐK	6.67	5.04	11.71	4.00	66.25	**15.71**
49	Đỗ Thùy Linh	Nữ	17/09/1992	Ninh Bình	NT-0213	ĐK	6.00	5.38	11.38	4.33	80.00	**15.71**
50	Nguyễn Việt Hùng	Nam	20/10/1992	Nghệ An	NT-0156	ĐK	5.42	5.55	10.97	4.67	81.25	**15.64**
51	Đặng Bá Tỏa	Nam	17/08/1992	Nghệ An	NT-0407	ĐK	5.75	5.46	11.21	4.42	45.00	**15.63**
52	Trần Văn Tuấn	Nam	08/12/1992	Thanh Hóa	NT-0437	ĐK	5.50	4.62	10.12	5.50	62.50	**15.62**
53	Luyện Thị Thanh Nga	Nữ	09/03/1992	Hưng Yên	NT-0263	ĐK	6.17	4.71	10.88	4.67	67.50	**15.55**
54	Phạm Văn Ngà	Nam	21/06/1990	Hải Dương	NT-0271	ĐK	4.67	5.13	9.80	5.75	57.50	**15.55**

STT	Họ tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	SBD	Ngành	KẾT QUẢ THI					
							Điểm môn 1	Điểm môn 2	Tổng 2CN	Điểm môn 3	Điểm môn 4	Tổng điểm
55	Đào Ngọc Mai	Nữ	10/09/1992	Hải Dương	NT-0234	ĐK	6.00	4.96	10.96	4.58	88.75	**15.54**
56	Nguyễn Đình Đức	Nam	16/10/1992	Nghệ An	NT-0078	ĐK	5.50	5.29	10.79	4.75	77.50	**15.54**
57	Nguyễn Thị Loan	Nữ	24/02/1992	Bắc Giang	NT-0222	ĐK	5.58	5.04	10.62	4.92	40.00	**15.54**
58	Trần Thị Hồng Nhung	Nữ	27/10/1992	Phú Thọ	NT-0297	ĐK	5.50	4.79	10.29	5.25	78.75	**15.54**
59	Lưu Quang Phúc	Nam	11/05/1991	Ninh Bình	NT-0309	ĐK	5.83	5.80	11.63	3.83	62.50	**15.46**
60	Quản Bích Diệp	Nữ	18/09/1992	Hưng Yên	NT-0048	ĐK	6.00	5.04	11.04	4.42	43.75	**15.46**
61	Hoàng Thị Thùy	Nữ	08/09/1992	Thanh Hóa	NT-0389	ĐK	5.50	5.21	10.71	4.75	61.25	**15.46**
62	Nguyễn Thị Hoàng Anh	Nữ	11/03/1992	Thái Bình	NT-0008	ĐK	5.50	4.71	10.21	5.25	58.75	**15.46**
63	Phạm Thị Kiều Loan	Nữ	21/07/1992	Nam Định	NT-0221	ĐK	6.08	4.03	10.11	5.33	63.75	**15.44**
64	Vũ Công Thắng	Nam	17/01/1992	Hà Nội	NT-0368	ĐK	4.50	5.38	9.88	5.50	78.75	**15.38**
65	Đinh Ngọc Thế	Nam	20/09/1992	Thái Bình	NT-0372	ĐK	5.75	4.62	10.37	5.00	48.75	**15.37**
66	Ngô Xuân Vượng	Nam	06/11/1992	Hà Nội	NT-0463	ĐK	4.92	5.71	10.63	4.67	72.50	**15.30**
67	Lê Diệu Linh	Nữ	10/05/1992	Hà Nội	NT-0204	ĐK	5.92	5.04	10.96	4.33	56.25	**15.29**
68	Hà Quang Lâm	Nam	10/01/1990	Hải Dương	NT-0198	ĐK	5.92	5.04	10.96	4.33	47.50	**15.29**
69	Hồ Văn Nguyện	Nam	15/07/1992	Thanh Hóa	NT-0286	ĐK	6.08	4.79	10.87	4.42	32.50	**15.29**
70	Trần Nhật Toán	Nam	21/07/1992	Hải Dương	NT-0409	ĐK	5.75	4.79	10.54	4.75	77.50	**15.29**
71	Ninh Thị Ngọc	Nữ	19/08/1992	Thanh Hóa	NT-0284	ĐK	5.33	5.13	10.46	4.83	63.75	**15.29**
72	Lê Gia Nhã	Nam	29/05/1992	Hà Nội	NT-0290	ĐK	5.50	4.79	10.29	5.00	80.00	**15.29**
73	Vương Quốc Đức	Nam	24/01/1992	Hà Nội	NT-0081	ĐK	5.50	4.79	10.29	5.00	78.75	**15.29**
74	Trịnh Việt Dũng	Nam	14/10/1992	Thái Bình	NT-0058	ĐK	5.33	4.96	10.29	5.00	67.50	**15.29**
75	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	07/10/1992	Hà Nội	NT-0443	ĐK	4.42	5.38	9.80	5.42	83.75	**15.22**
76	Đoàn Xuân Dũng	Nam	30/01/1992	Bắc Ninh	NT-0059	ĐK	5.17	5.21	10.38	4.83	48.75	**15.21**
77	Lê Thị Huế	Nữ	17/01/1991	Nam Định	NT-0152	ĐK	4.50	5.04	9.54	5.58	56.25	**15.12**
78	Nguyễn Việt Hưng	Nam	17/10/1992	Nghệ An	NT-0176	ĐK	5.08	5.21	10.29	4.75	86.25	**15.04**
79	Đặng Hoàng Nam	Nam	22/03/1992	Đồng Tháp	NT-0258	ĐK	4.92	4.12	9.04	6.00	70.00	**15.04**
80	Đinh Thị Bích Thục	Nam	02/09/1992	Nam Định	NT-0388	ĐK	5.33	4.87	10.20	4.83	86.25	**15.03**
81	Trần Hồng Nhung	Nữ	02/03/1992	Hà Nội	NT-0298	ĐK	5.17	5.13	10.30	4.67	90.00	**14.97**
82	Bùi Minh Đạt	Nam	05/05/1992	Hà Nội	NT-0071	ĐK	4.67	5.13	9.80	5.17	66.25	**14.97**
83	Nguyễn Đắc Hạnh	Nam	11/05/1992	Bắc Ninh	NT-0105	ĐK	5.67	4.71	10.38	4.58	62.50	**14.96**
84	Lương Xuân Tân	Nam	13/07/1992	Khánh Hòa	NT-0345	ĐK	5.42	4.87	10.29	4.67	60.00	**14.96**
85	Trần Xuân Thắm	Nam	18/10/1992	Phú Thọ	NT-0365	ĐK	5.25	4.79	10.04	4.92	61.25	**14.96**
86	Đỗ Minh Trí	Nam	24/12/1992	Hưng Yên	NT-0427	ĐK	5.33	4.54	9.87	5.08	48.75	**14.95**

STT	Họ tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	SBD	Ngành	KẾT QUẢ THI					
							Điểm môn 1	Điểm môn 2	Tổng 2CN	Điểm môn 3	Điểm môn 4	Tổng điểm
87	Nguyễn Ngọc Trai	Nam	07/05/1992	Thanh Hóa	NT-0410	ĐK	4.92	4.79	9.71	5.17	62.50	**14.88**
88	Vũ Thùy Dương	Nữ	08/10/1992	Hải Phòng	NT-0067	ĐK	4.58	5.21	9.79	5.00	75.00	**14.79**
89	Đinh Thị Lan Hương	Nữ	03/11/1992	Tuyên Quang	NT-0178	ĐK	4.92	4.62	9.54	5.25	82.50	**14.79**
90	Nguyễn Kiều Anh	Nữ	30/10/1992	Hà Nội	NT-0009	ĐK	5.17	5.80	10.97	3.75	91.25	**14.72**
91	Lê Đỗ Đạt	Nam	01/12/1992	Thanh Hóa	NT-0070	ĐK	5.67	5.04	10.71	4.00	52.50	**14.71**
92	Trần Thùy Linh	Nữ	10/02/1992	Vĩnh Phúc	NT-0216	ĐK	4.67	5.46	10.13	4.58	90.00	**14.71**
93	Vũ Đức Khang	Nam	28/10/1992	Nam Định	NT-0185	ĐK	5.17	4.79	9.96	4.75	48.75	**14.71**
94	Trần Xuân Lộc	Nam	10/08/1992	Nam Định	NT-0227	ĐK	4.50	5.13	9.63	5.08	52.50	**14.71**
95	Đặng Chí Hiếu	Nam	10/01/1992	Hà Nội	NT-0123	ĐK	5.83	4.79	10.62	4.08	75.00	**14.70**
96	Phạm Quốc Việt	Nam	30/11/1992	Vĩnh Phúc	NT-0454	ĐK	5.33	4.37	9.70	5.00	68.75	**14.70**
97	Ngô Xuân Ban	Nam	13/05/1992	Nam Định	NT-0027	ĐK	5.92	4.54	10.46	4.17	76.25	**14.63**
98	Trương Mậu Thành	Nam	13/09/1992	Hải Dương	NT-0356	ĐK	4.92	5.13	10.05	4.58	86.25	**14.63**
99	Đàm Thanh Đức	Nam	14/10/1992	Bắc Ninh	NT-0082	ĐK	5.33	4.62	9.95	4.67	62.50	**14.62**
100	Hoàng Văn Quỳnh	Nam	28/07/1992	Hải Dương	NT-0327	ĐK	5.25	4.54	9.79	4.75	71.25	**14.54**
101	Nguyễn Nhật Linh	Nam	28/01/1992	Hà Nội	NT-0211	ĐK	5.33	4.87	10.20	4.33	43.75	**14.53**
102	Trần Mĩ Hạnh	Nữ	02/02/1991	Nam Định	NT-0106	ĐK	4.50	5.13	9.63	4.83	90.00	**14.46**
103	Lương Trung Hiếu	Nam	01/08/1990	Hòa Bình	NT-0128	ĐK	5.17	4.45	9.62	4.83	60.00	**14.45**
104	Vũ Thị Hường	Nữ	16/01/1992	Hưng Yên	NT-0182	ĐK	5.25	4.62	9.87	4.50	77.50	**14.37**
105	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	27/01/1992	Bắc Ninh	NT-0215	ĐK	5.17	4.96	10.13	4.08	51.25	**14.21**
106	Lê Tiến Viện	Nam	27/03/1992	Nghệ An	NT-0451	ĐK	5.17	4.62	9.79	4.42	40.00	**14.21**
107	Lê Quang Hiệp	Nam	21/01/1992	Hà Nội	NT-0121	ĐK	4.50	5.21	9.71	4.42	62.50	**14.13**
108	Hoàng Văn Trang	Nam	17/02/1992	Nam Định	NT-0423	ĐK	5.33	4.87	10.20	3.92	66.25	**14.12**
109	Trần Duy Quốc Khánh	Nam	02/09/1992	Hà Nội	NT-0187	ĐK	5.00	5.04	10.04	4.08	83.75	**14.12**
110	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	28/08/1992	Nghệ An	NT-0351	ĐK	4.75	5.13	9.88	4.17	65.00	**14.05**
111	Tô Lan Phương	Nữ	06/12/1992	Lào Cai	NT-0313	ĐK	5.67	4.79	10.46	3.58	42.50	**14.04**
112	Nguyễn Thị Nga	Nữ	08/07/1992	Bắc Ninh	NT-0267	ĐK	5.42	4.87	10.29	3.75	43.75	**14.04**
113	Nguyễn Thanh Huy	Nam	24/06/1992	Lai Châu	NT-0161	ĐK	4.67	5.04	9.71	4.33	67.50	**14.04**
114	Chu Văn Nam	Nam	26/12/1992	Bắc Ninh	NT-0260	ĐK	4.50	4.79	9.29	4.75	58.75	**14.04**
115	Nguyễn Thùy Linh	Nữ	15/02/1992	Hà Nội	NT-0214	ĐK	5.17	4.62	9.79	4.17	65.00	**13.96**
116	Nguyễn Tuấn Linh	Nam	31/07/1992	Thái Bình	NT-0217	ĐK	5.00	4.71	9.71	4.25	41.25	**13.96**
117	Nguyễn Thanh Hưng	Nam	18/12/1992	Nghệ An	NT-0174	ĐK	4.83	4.54	9.37	4.58	72.50	**13.95**
118	Đinh Thị Ngọc	Nữ	08/11/1992	Nam Định	NT-0282	ĐK	4.75	4.12	8.87	5.08	57.50	**13.95**

STT	Họ tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	SBD	Ngành	KẾT QUẢ THI					
							Điểm môn 1	Điểm môn 2	Tổng 2CN	Điểm môn 3	Điểm môn 4	Tổng điểm
119	Nguyễn Viết Hồng	Nam	28/01/1992	Hải Dương	NT-0149	ĐK	5.00	4.71	9.71	4.17	61.25	**13.88**
120	Hồ Ngọc Minh	Nam	05/10/1992	Thanh Hóa	NT-0249	ĐK	4.33	5.13	9.46	4.42	56.25	**13.88**
121	Nguyễn Xuân Hưng Thịnh	Nam	20/11/1992	Đà Nẵng	NT-0378	ĐK	5.08	4.79	9.87	3.83	46.25	**13.70**
122	Nguyễn Thành Lợi	Nam	22/06/1992	Bắc Giang	NT-0228	ĐK	4.75	4.87	9.62	3.92	55.00	**13.54**
123	Lê Thị Mai	Nữ	11/08/1991	Thanh Hóa	NT-0236	ĐK	5.00	4.54	9.54	4.00	66.25	**13.54**
124	Nguyễn Văn Xuân Hà	Nam	15/12/1992	Hà Nội	NT-0099	ĐK	5.00	4.29	9.29	4.25	43.75	**13.54**
125	Phạm Hồng Quân	Nam	02/04/1992	Ninh Bình	NT-0319	ĐK	4.75	4.71	9.46	4.00	57.50	**13.46**
126	Nguyễn Hoàng Minh	Nam	04/04/1992	Thanh Hóa	NT-0248	ĐK	4.00	4.20	8.20	5.25	63.75	**13.45**
127	Trần Đức Sơn	Nam	23/09/1992	Bắc Ninh	NT-0330	ĐK	5.33	4.54	9.87	3.50	66.25	**13.37**
128	Vũ Thị Trang	Nữ	26/07/1991	Bắc Ninh	NT-0419	ĐK	4.25	4.45	8.70	4.67	41.25	**13.37**
129	Trần Thị Diệu Huyền	Nữ	17/10/1992	Nam Định	NT-0165	ĐK	4.50	5.04	9.54	3.67	76.25	**13.21**
130	Quách Huyền Trang	Nữ	27/05/1992	Ninh Bình	NT-0413	ĐK	4.92	4.29	9.21	3.92	45.00	**13.13**
131	Ngô Hữu Diện	Nam	09/10/1992	Ninh Bình	NT-0047	ĐK	5.00	4.20	9.20	3.92	23.75	**13.12**
132	Hoàng Minh Đức	Nam	09/08/1992	Hưng Yên	NT-0080	ĐK	4.75	4.29	9.04	4.08	36.25	**13.12**
133	Lê Thị Minh Trang	Nữ	21/01/1992	Thanh Hóa	NT-0415	ĐK	4.33	4.54	8.87	4.25	65.00	**13.12**
134	Trần Hồng Quân	Nam	09/01/1992	Nghệ An	NT-0320	ĐK	4.17	4.71	8.88	4.17	75.00	**13.05**
135	Dương Quốc Trung	Nam	09/07/1992	Hưng Yên	NT-0431	ĐK	4.08	4.62	8.70	4.17	58.75	**12.87**
136	Lê Đức Anh	Nam	24/01/1992	Nam Định	NT-0002	ĐK	4.33	4.79	9.12	3.67	36.25	**12.79**
137	Đặng Vân Anh	Nữ	17/05/1992	Nghệ An	NT-0020	ĐK	4.33	4.62	8.95	3.83	62.50	**12.78**
138	Vũ Thanh Tùng	Nam	14/02/1992	Thái Bình	NT-0444	ĐK	4.83	3.78	8.61	4.17	53.75	**12.78**
139	Phan Bùi Quỳnh Trang	Nữ	10/01/1992	Quảng Bình	NT-0416	ĐK	4.25	4.20	8.45	4.33	47.50	**12.78**
140	Lê Đoàn Ngọc	Nam	25/03/1992	Hà Nội	NT-0276	ĐK	4.50	4.45	8.95	3.75	55.00	**12.70**
141	Hà Hồng Nhung	Nữ	11/01/1991	Hà Nội	NT-0295	ĐK	4.42	4.54	8.96	3.67	85.00	**12.63**
142	Trần Công Thành	Nam	16/10/1992	Nghệ An	NT-0354	ĐK	4.83	4.71	9.54	2.92	30.00	**12.46**
143	Phạm Hoàng Long	Nam	07/08/1992	Ninh Bình	NT-0223	ĐK	4.25	3.78	8.03	4.17	52.50	**12.20**
144	Vũ Thị Quỳnh Anh	Nữ	03/02/1992	Thanh Hóa	NT-0015	ĐK	4.00	4.87	8.87	3.25	26.25	**12.12**
145	Trần Thu Hà	Nữ	06/10/1992	Nam Định	NT-0096	ĐK	3.92	4.87	8.79	3.25	42.50	**12.04**
146	Đỗ Thu Hiền	Nữ	18/07/1992	Hà Nội	NT-0117	ĐK	4.25	4.29	8.54	3.42	66.25	**11.96**
147	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	31/07/1992	Hải Dương	NT-0022	ĐK	4.75	3.53	8.28	3.58	68.75	**11.86**
148	Lê Minh Ngọc	Nam	31/12/1992	Hà Nội	NT-0277	ĐK	4.42	3.95	8.37	3.42	93.75	**11.79**
149	Dương Nguyễn Việt Anh	Nam	19/09/1992	Hà Nội	NT-0024	ĐK	4.83	4.12	8.95	2.83	62.50	**11.78**
150	Đào Thùy Dương	Nữ	30/07/1992	Hải Dương	NT-0066	ĐK	4.17	4.54	8.71	3.00	70.00	**11.71**

STT	Họ tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	SBD	Ngành	KẾT QUẢ THI					
							Điểm môn 1	Điểm môn 2	Tổng 2CN	Điểm môn 3	Điểm môn 4	Tổng điểm
151	Đoàn Thị Hoa Anh	Nữ	23/01/1992	Quảng Ninh	NT-0006	ĐK	3.92	4.37	8.29	3.42	37.50	**11.71**
152	Nguyễn Thị Diệu Linh	Nữ	16/12/1992	Hưng Yên	NT-0205	ĐK	4.33	4.03	8.36	3.25	62.50	**11.61**
153	Nguyễn Văn Tuấn	Nam	04/04/1992	Thanh Hóa	NT-0436	ĐK	4.25	4.37	8.62	2.92	38.75	**11.54**
154	Phan Hà Oanh	Nữ	31/10/1992	Quảng Bình	NT-0302	ĐK	3.58	4.03	7.61	3.92	42.50	**11.53**
155	Nguyễn Thị Nga	Nữ	04/10/1992	Hà Nội	NT-0268	ĐK	4.25	3.95	8.20	3.25	43.75	**11.45**
156	Nguyễn Giáp Việt Dũng	Nam	04/08/1991	Bắc Giang	NT-0057	ĐK	4.25	3.36	7.61	3.67	48.75	**11.28**
157	Nguyễn Vân Trang	Nữ	11/06/1992	Vĩnh Phúc	NT-0424	ĐK	3.92	4.54	8.46	2.42	47.50	**10.88**
158	Hoàng Văn Ban	Nam	08/06/1991	Hưng Yên	NT-0026	ĐK	4.08	4.12	8.20	2.67	28.75	**10.87**
159	Hoàng Lưu Ly	Nữ	23/10/1992	Hà Nội	NT-0232	ĐK	3.67	4.03	7.70	2.67	50.00	**10.37**
160	Vũ Minh Ngọc	Nam	22/11/1992	Hà Nội	NT-0280	ĐK	3.17	3.36	6.53	3.08	41.25	**9.61**
161	Nguyễn Thanh Hải	Nam	06/07/1992	Quảng Bình	NT-0478	RHM	4.92	5.92	10.84	5.50	67.50	**16.34**
162	Lê Mỹ Linh	Nữ	01/12/1992	Thanh Hóa	NT-0485	RHM	5.58	5.33	10.91	5.25	41.25	**16.16**
163	Nguyễn Hoàng Dương	Nam	07/04/1992	Tuyên Quang	NT-0476	RHM	4.83	5.42	10.25	5.75	70.00	**16.00**
164	Vi Thị Hồng	Nữ	09/11/1991	Bắc Giang	NT-0482	RHM	6.42	5.17	11.59	3.92	55.00	**15.51**
165	Vũ Đức Dũng	Nam	08/07/1992	Nam Định	NT-0474	RHM	4.75	5.83	10.58	4.92	57.50	**15.50**
166	Vũ Thái Sơn	Nam	21/08/1992	Hà Nội	NT-0487	RHM	5.67	4.58	10.25	4.83	88.75	**15.08**
167	Trần Minh Hiệp	Nam	05/07/1992	Hà Nội	NT-0479	RHM	4.17	4.67	8.84	3.92	66.25	**12.76**
168	Nguyễn Đức Thiền	Nam	03/01/1992	Quảng Trị	NT-0489	RHM	4.33	4.25	8.58	3.08	52.50	**11.66**
169	Nguyễn Thành Trung	Nam	16/05/1992	Hưng Yên	NT-0493	RHM	3.83	4.33	8.16	3.08	27.50	**11.24**
170	Lê Thị Ngoan	Nữ	23/02/1992	Bắc Ninh	NT-0517	YHCT	8.50	8.00	16.50	4.58	81.25	**21.08**
171	Phạm Thị Thu Hiền	Nữ	29/11/1992	Hải Dương	NT-0504	YHCT	7.75	7.92	15.67	4.92	73.75	**20.59**
172	Đinh Thị Thuân	Nữ	05/04/1992	Hà Nội	NT-0520	YHCT	7.75	8.08	15.83	4.67	80.00	**20.50**
173	Vũ Thị Ngân	Nữ	19/06/1992	Vĩnh Phúc	NT-0516	YHCT	7.50	8.08	15.58	4.75	48.75	**20.33**
174	Lê Thị Lợi	Nữ	25/03/1992	Nghệ An	NT-0513	YHCT	7.58	8.67	16.25	3.75	60.00	**20.00**
175	Nguyễn Thị Minh Hằng	Nữ	24/09/1992	Ninh Bình	NT-0501	YHCT	8.25	8.33	16.58	3.25	45.00	**19.83**
176	Khương Thị Nga	Nữ	14/10/1992	Thanh Hóa	NT-0515	YHCT	7.25	7.00	14.25	5.50	45.00	**19.75**
177	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Nữ	15/05/1992	Hà Nam	NT-0514	YHCT	7.75	7.75	15.50	4.17	73.75	**19.67**
178	Nguyễn Thị Thơm	Nữ	01/12/1992	Hà Nội	NT-0519	YHCT	6.92	8.08	15.00	4.67	81.25	**19.67**
179	Đặng Thị Huệ	Nữ	06/10/1992	Phú Thọ	NT-0506	YHCT	7.83	6.75	14.58	4.67	75.00	**19.25**
180	Hoàng Thị Hậu	Nữ	26/03/1991	Cao Bằng	NT-0502	YHCT	7.25	7.17	14.42	3.67	41.25	**18.09**
181	Đậu Duy Khánh	Nam	20/08/1992	Nghệ An	NT-0510	YHCT	6.08	6.92	13.00	4.83	35.00	**17.83**
182	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	25/10/1991	Hà Nội	NT-0505	YHCT	6.58	7.00	13.58	4.00	56.25	**17.58**

STT	Họ tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	SBD	Ngành	KẾT QUẢ THI					
							Điểm môn 1	Điểm môn 2	Tổng 2CN	Điểm môn 3	Điểm môn 4	Tổng điểm
183	Trần Thùy Linh	Nữ	10/07/1992	Vĩnh Phúc	NT-0512	YHCT	6.75	6.67	13.42	3.33	63.75	**16.75**
184	Bùi Thị Huỳnh	Nữ	10/02/1991	Thanh Hóa	NT-0507	YHCT	6.42	6.08	12.50	3.92	31.25	**16.42**
185	Nguyễn Thị Nhung	Nữ	26/01/1992	Hà Nội	NT-0497	YHDP	6.00	6.33	12.33	3.17	55.00	**15.50**
186	Lê Thị Quỳnh Trang	Nữ	02/03/1992	Thanh Hóa	NT-0499	YHDP	4.58	6.42	11.00	3.50	40.00	**14.50**
187	Lê Tiến Dũng	Nam	22/02/1990	Nam Định	NT-0054	ĐK	5.58	4.54	10.12	Bỏ	Bỏ	
188	Lê Duy Thanh	Nam	30/08/1992	Hà Nội	NT-0348	ĐK	4.33	4.71	9.04	Bỏ	Bỏ	
189	Nguyễn Thị Nguyệt	Nữ	21/09/1992	Vĩnh Phúc	NT-0518	YHCT	7.67	Bỏ		Bỏ	Bỏ	
190	Nhữ Thị Ngọc	Nữ	17/02/1992	Hải Dương	NT-0283	ĐK	Bỏ	Bỏ		Bỏ	Bỏ	
191	Nguyễn Ngọc Anh	Nam	12/06/1992	Hải Phòng	NT-0012	ĐK	Bỏ	Bỏ		Bỏ	Bỏ	
192	Trần Văn Đức	Nam	23/08/1992	Thanh Hóa	NT-0085	ĐK	Bỏ	Bỏ		Bỏ	Bỏ	
193	Trần Xuân Hoàng	Nam	28/09/1992	Hưng Yên	NT-0146	ĐK	Bỏ	Bỏ		Bỏ	Bỏ	
194	Nguyễn Văn Linh	Nam	14/08/1992	Hưng Yên	NT-0219	ĐK	Bỏ	Bỏ		Bỏ	Bỏ	
195	Lê Hoài Nam	Nam	11/10/1992	Hà Nội	NT-0256	ĐK	Bỏ	Bỏ		Bỏ	Bỏ	
196	Phương Văn Sơn	Nam	15/04/1992	Hà Nội	NT-0338	ĐK	Bỏ	Bỏ		Bỏ	Bỏ	
174	Phạm Thị Bảo An	Nữ	20/08/1992	Hà Tĩnh	NT-0495	YHDP	Bỏ	Bỏ		Bỏ	Bỏ	

Ghi chú: Tiêu chí sắp xếp theo thứ tự
1. Tổng điểm xếp từ cao - thấp
2. Tổng điểm 2 môn chuyên ngành
3. Môn Ngoại ngữ
4. Môn cơ sở
5. Nữ

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2016

KT. HIỆU TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

Tạ Thành Văn